

GRAND i10

Kích hoạt một tôi mới.





Cụm lưới tản nhiệt hình đan hình lục giác cùng với đường dập nổi trên mũi xe và dọc thân xe tạo nên nét trẻ trung



Cụm đèn ban ngày DRL (Daytime Running Light) được thiết kế phá cách dạng boomerang



Vành hợp kim 15 inch cao cấp tạo hình trẻ trung



Đèn hậu dạng LED thiết kế cách điệu, đồng bộ với cụm đèn phía trước



THIẾT KẾ ĐẬM CHẤT THỂ THAO

Grand i10 All New sedan toát lên sự trang nhã, trẻ trung cùng với sự năng động thông qua các đường nét phá cách trên xe.





KHÔNG GIAN RỘNG RÃI TỰ DO

All New Grand i10 sedan sẽ mang đến cho bạn sự rộng rãi đầy bất ngờ. Không chỉ rộng rãi All New Grand i10 còn mang đến sự tiện nghi giúp hành khách tận hưởng các hành trình.



Màn hình giải trí 8 inch



Cửa gió điều hòa hàng ghế thứ 2



Màn hình thông tin thiết kế thể thao



Khay để đồ tiện ích với phần ốp tạo hình 3D ấn tượng



Cụm điều chỉnh media tích hợp nhận diện giọng nói



Nội thất 2 tông màu đen đỏ trẻ trung, tươi mới



Hệ thống an toàn 2 túi khí



Cảm biến va chạm phía sau



Ghế an toàn trẻ em ISO FIX



Camera lùi hỗ trợ đỗ xe



Hệ thống phanh ABS kết hợp EBD



Hệ thống khung mới cứng vững hơn với thép cường độ cao



Động cơ Kappa 1.2L mang đến khả năng vận hành êm ái, ổn định cùng với khả năng tiết kiệm nhiên liệu nhưng vẫn đáp ứng được nhu cầu vận hành của khách hàng.



Hộp số sàn 5 cấp

Mang đến khả năng vận hành bền bỉ và tiết kiệm nhiên liệu



Hộp số tự động 4 cấp

Được tối ưu để tạo nên sự cân bằng giữa niềm vui lái xe và khả năng tiết kiệm nhiên liệu





ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH - AN TOÀN

All New Grand i10 sedan xóa bỏ những định kiến về một mẫu xe đô thị cỡ nhỏ. Xe sở hữu hệ thống khung gầm mới cùng động cơ được tinh chỉnh tối ưu sẽ mang đến khả năng thú vị, linh hoạt vượt hơn cả sự mong đợi

	Thông số kỹ thuật	1.2 MT Tiêu chuẩn		1.2 AT Tiêu chuẩn	1.2 AT
Kích thước & Trọng lượng	Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	3,995 x 1,680 x 1,520			
	Chiều dài cơ sở (mm)	2,450			
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	157			
	Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	37			
Động cơ, Hộp số & Vận hành	Động cơ	Kappa 1.2 MPI			
	Dung tích xi lanh (cc)	1,197			
	Công suất cực đại (PS/rpm)	83/6,000			
	Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm)	114/4,000			
	Hộp số	5 MT	4 AT		
	Hệ thống dẫn động	Dẫn động cầu trước			
	Phanh trước/sau	Đĩa/Tang trống			
	Hệ thống treo trước	MacPherson			
	Hệ thống treo sau	Thanh xoắn			
	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện			
	Thông số lốp	165/70R14			175/60R15
	Lốp dự phòng	Vành cùng cỡ			Vành giảm cỡ
	Chất liệu lazang	Vành Thép			Vành Đức hợp kim
	Ngoại thất	Cụm đèn pha (pha/cos)	Halogen		
Đèn ban ngày				LED	
Đèn sương mù phía trước				Halogen Projector	
Gương chiếu hậu chỉnh điện		O	Tích hợp báo rẽ	Có gập điện, tích hợp đèn báo rẽ có sấy	
Tay nắm cửa mạ crom			O	O	
Ăng ten		Dạng dây	Dạng dây	Vây cá	
Nội thất & tiện nghi	Vô lăng điều chỉnh 2 hướng	O	O	O	
	Vô lăng bọc da			O	
	Chất liệu ghế	Nỉ	Nỉ	Nỉ	
	Màu nội thất	Đen Đỏ			
	Chỉnh ghế lái	Chỉnh cơ 4 hướng	Chỉnh cơ 4 hướng	Chỉnh cơ 6 hướng	
	Cửa sổ điều chỉnh điện, xuống kính một chạm vị trí ghế lái	Chỉnh điện	O	O	
	Điều hòa	Chỉnh cơ	Chỉnh cơ	Chỉnh cơ	
	Cụm màn hình thông tin	2.8 inch	2.8 inch	Màn hình LCD 5.3 inch	
	Màn hình AVN cảm ứng 8 inch tích hợp hệ thống định vị dẫn đường			O	
	Hệ thống giải trí			Bluetooth/ Radio/ MP4/Apple Carplay/ Android Auto	
	Số loa	4			
	Cụm điều khiển media kết hợp với nhận diện giọng nói		Cụm điều khiển media	O	
	Cửa gió điều hòa và cổng sạc USB hàng ghế thứ 2	O	O	O	
	Chìa khóa thông minh và Khởi động nút bấm		O	O	
An toàn	Camera lùi			O	
	Cảm biến lùi		O	O	
	Cảm biến áp suất lốp			O	
	Chống bó cứng phanh ABS		O	O	
	Phân bổ lực phanh điện tử EBD		O	O	
	Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp BA		O	O	
	Chìa khóa mã hóa & hệ thống chống trộm Immobilizer	O	O	O	
	Số túi khí	1	2	2	

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU (LÍT/100 KM)			
Phiên bản	Trong đô thị (l/100km)	Ngoài đô thị (l/100km)	Hỗn hợp (l/100km)
1.2 MT Tiêu chuẩn	6,8	4,6	5,4
1.2 AT Tiêu chuẩn	8,28	4,79	6,07
1.2 AT	8,28	4,79	6,07

KÍCH THƯỚC

Đơn vị: mm



- Các giá trị trên đây là kết quả của các cuộc kiểm tra nội bộ và có thể thay đổi sau khi được kiểm nghiệm lại.
- Xe thực tế có thể có đôi chút khác biệt so với hình ảnh trong catalogue.
- Hyundai Thành Công có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật và trang thiết bị mà không cần báo trước.
- Màu sắc in trong catalogue có thể sai khác nhỏ so với màu sắc thực tế.
- Vui lòng liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

MÀU NGOẠI THẤT

Trắng (Pjw)

Vàng Cát (S8N)

Bạc (RHM)

Xanh Dương (ZD6)

Đỏ tươi (PR2)

Vì lợi ích của bạn

hãy cài dây an toàn khi lái xe

5 NĂM

Số km bảo hành

100,000 km

www.hyundai.thanhcong.vn